

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 678/2018/HC-PT

Ngày: 20-12-2018

V/v: khiếu kiện quản lý về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;
Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Z, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 329/2018/HC-TLPT ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc khiếu kiện “Quản lý về đất đai”, do có kháng cáo của bà Nông Thị D đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8172/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nông Thị D. Địa chỉ: Tổ 07, phường X, thành phố B, tỉnh Z; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Z.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Z (theo Giấy ủy quyền số 4047/UBND-UQ ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh Z); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Đàm Văn L - Phó Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Z; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty cổ phần đầu tư phát triển C.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Y - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển C. Địa chỉ: Khu du lịch sinh thái Thăng Hen, xã Quốc Toàn, Trà Lĩnh, Cao Bằng; có mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện A: Ông Lục Văn V cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng huyện A, có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã N, huyện A

Đại diện theo pháp luật: Ông Nông Công E - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Z; có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo bà Nông Thị D trình bày:

Gia đình bà D có khoảng 16.685m² đất gồm đất trồng lúa, trồng cây ngắn ngày, đất trồng lâu năm, gồm 03 khu: Khu 1 là đồng Kéo Máp, khu 2 là đồng Tầu Tát, khu 3 là đồng Pàn Lính; diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình bà; căn cứ vào Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân (UBND) xã N về diện tích đất của gia đình ông Trương Xuân F ngày 17/5/2010 và Biên bản xác định ranh giới đất của gia đình bà tự lập ngày 19/8/2017. Trong tổng diện tích đất 16.685m² thì gia đình bà đã kê khai để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 3.685m² đất và đã được thể hiện trong bản đồ địa chính xã N huyện A; còn hơn 13.000m² chưa kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 28 tháng 6 năm 2007, UBND tỉnh Z ban hành Quyết định số 1065/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Khu du lịch sinh thái thác nước Pàn Lầu, Co Khẻ, Khau Dắm ở xóm G, xã N, huyện A, tỉnh Z; theo đó, toàn bộ diện tích đất của gia đình bà D bị thu hồi theo quyết định nêu trên.

Quá trình đo đạc để lập dự toán đền bù, Ban Giải phóng mặt bằng và chủ đầu tư không tiến hành đo đạc thực tế, thực địa mà chỉ căn cứ vào Bản đồ địa chính năm 2007 để xác định diện tích, số thửa để lập phương án bồi thường; do đó, gia đình bà D chỉ được bồi thường đối với diện tích mà gia đình bà đã kê khai nằm trong Bản đồ địa chính năm 2007 là 3.685m², còn lại diện tích 13.000m² không được bồi thường vì không có trong Bản đồ địa chính 2007. Không nhất trí với phương án đền bù trên nên gia đình bà D chưa nhận tiền bồi thường vì cho rằng phải được bồi thường cả 02 phần đất: 3.685m² và 13.000m², gia đình bà D đã khiếu nại.

Ngày 21/11/2011, UBND huyện A ban hành Công văn số 275/CV-UBND trả lời khiếu nại có nội dung: Dự án không thực hiện trên phần đất của gia đình bà D nữa.

Ngày 23/5/2017, UBND tỉnh Z ban hành Quyết định số 714/QĐ-UBND về việc điều chỉnh ranh giới, vị trí, diện tích đất thu hồi để xây dựng công trình Khu du lịch sinh thái tại Thác nước Pàn Lầu, Co Khẻ, Khau Dắm xóm

G, xã N, huyện A. Theo đó xác định diện tích đất của gia đình bà D được đưa ra khỏi chỉ giới thu hồi là 3.685m².

Ngày 03/11/2017, bà Nông Thị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Z: Hủy Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Z. Yêu cầu khôi phục lại quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà đối với 13.000m² vẫn đang nằm trong mặt bằng địa giới của dự án.

Người bị kiện UBND tỉnh Z trình bày:

Quyết định số 714/QĐ-UBND được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định tại Điều 52 của Luật đất đai năm 2013.

Đối với diện tích 3.685m² của gia đình bà D được xác định trong các văn bản đề nghị và trong hồ sơ bồi thường Giải phóng mặt bằng năm 2008 khớp với số liệu trong Giấy xác nhận do ông Trương Xuân F lập được trưởng xóm G xác nhận ngày 15/5/2010, được UBND xã N xác nhận ngày 17/5/2010. Việc ông F, bà D cho rằng gia đình ông bà còn một số diện tích đất canh tác tiếp giáp chưa được điều chỉnh trả lại cho gia đình, Ban giải phóng mặt bằng huyện A xác định là đất rừng tự nhiên và rẫy mới khai phá tại thời điểm kiểm đếm để bồi thường, sau khi công bố Quyết định phê duyệt quy hoạch điểm du lịch sinh thái tại thác nước Pàn Lầu, Co Khẻ, Khau Dắm. Quá trình Giải phóng mặt bằng dự án đến nay chưa thực hiện được, các hộ dân chưa bàn giao đất cho chủ đầu tư để triển khai dự án, nhưng qua các lần kiểm tra từ năm 2011 đến nay đều ghi nhận không có hoạt động sử dụng đất vào canh tác nông nghiệp của gia đình ông F, bà D nên không có cơ sở để xác định ông F, bà D là người sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất nêu trên. Phía chủ đầu tư cũng không có đề nghị điều chỉnh trả lại phần diện tích đất này; do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà D.

Quyết định số 714/QĐ-UBND được ban hành nhằm điều chỉnh lại một phần diện tích thu hồi đất trong Quyết định số 1056/QĐ-UBND, do chủ đầu tư không còn nhu cầu sử dụng đất của các hộ không nhận tiền bồi thường đất; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 714/QĐ-UBND đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền; gia đình ông Trương Xuân F và bà Nông Thị D không khiếu nại về phần diện tích 3.685m².

Đối với diện tích 13.000m² mà bà D cho rằng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình hiện vẫn đang nằm trong mặt bằng địa giới của dự án, theo Biên bản phúc tra kiểm tra diện tích đất của hộ bà D ngày 13/4/2016 có đất nằm trong mặt bằng xây dựng khu du lịch sinh thái tại thác nước Pàn Lầu ghi nhận kết quả kiểm tra ngoài thực địa các vị trí đất mà bà D khiếu nại:

- Vị trí 1: Tại tờ bản đồ số 135 nằm sát thửa 2 phía Bắc giáp đất rừng tự nhiên, phía Nam giáp đất ông F, phía Tây giáp suối, phía Nam giáp đường vào xã N diện tích khoảng 1.347m² là đất rừng tự nhiên, thửa phía dưới đám ruộng thửa số 23 là đất dốc >30 độ đã phát để làm rẫy trồng chuối, ngô trong thời điểm

kiểm đếm, tại thời điểm kiểm đếm bỏ hoang hóa có cây bụi mọc, đám này có diện tích khoảng 1.188m².

- Vị trí 2 tại tờ bản đồ địa chính số 141 nằm sát thửa 47b là đất rừng tự nhiên hiện trạng có cây lấy gỗ. Qua kiểm tra thực địa đối chiếu với mặt bằng thu hồi đất diện tích thu hồi chỉ lấy 01 phần giáp suối khoảng 1.975m².

- Vị trí 3 là đất rừng tự nhiên giáp đất ruộng thửa số 76 tờ bản đồ số 141 thực tế là đất rừng tự nhiên giáp ruộng, có 01 phía giáp suối, 01 phía giáp ruộng, 01 phía giáp rừng tự nhiên; có diện tích khoảng 2.700m² thực tế là hiện trạng đất rừng tự nhiên.

Theo Công văn số 51/GPMB ngày 12/5/2016 về việc phúc tra diện tích đất của gia đình bà D xác định toàn bộ đất nói trên là đất lâm nghiệp không hỗ trợ bồi thường.

Cho đến thời điểm này bà D vẫn chưa cung cấp giấy tờ về đất đai theo yêu cầu của Ban giải phóng mặt bằng huyện A; UBND huyện A chưa có kết quả giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền là Chủ tịch UBND huyện A do vậy không có cơ sở để Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Z giải quyết nội dung kiến nghị của bà D.

Theo UBND tỉnh Z Quyết định số 714/QĐ-UBND là quyết định hành chính điều chỉnh diện tích thu hồi đất của dự án mà chủ đầu tư không còn nhu cầu sử dụng theo Điều 52 Luật đất đai năm 2013; phần diện tích 6.969m² trong đó hộ bà D là 3.685m² điều chỉnh để đưa ra khỏi dự án thu hồi đất là số liệu đã được đo đạc, tính toán bồi thường được UBND tỉnh Z phê duyệt tại Quyết định số 1065/QĐ-UBND và Quyết định 2524/QĐ-UBND ngày 11/11/2008. Ngoài phần đất nằm trong dự toán bồi thường này bà D còn khởi kiện đòi thêm một số diện tích đất nằm trong mặt bằng thu hồi đất nhưng không có trong hồ sơ bồi thường, chưa được UBND huyện A công nhận quyền sử dụng đất, do vậy bà D khởi kiện hủy một phần Quyết định số 714/QĐ-UBND chưa trả hết phần đất cho gia đình bà D là không đúng đối tượng và thẩm quyền giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần đầu tư phát triển C - người đại diện theo pháp luật là bà Trần Thị Y trình bày:

Thực hiện Công văn số 460/UBND-TH ngày 06/4/2006 của UBND tỉnh Z về việc đầu tư xây dựng điểm du lịch sinh thái tại thác nước Pàn Lầu, xã N, huyện A; Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 28/6/2007 của UBND tỉnh Z về việc thu hồi đất để xây dựng công trình khu du lịch sinh thái tại thác nước Pàn Lầu, Co Khẻ, Khau Dắm, xóm G, xã N; Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 11/11/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Z về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình khu du lịch sinh thái tại thác nước Pàn Lầu. Công ty cổ phần đầu tư phát triển C đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền tiến hành thu hồi đất; đo đạc, kiểm đếm diện tích đất và tài sản trên đất bị

thu hồi và bồi thường theo đúng quy định của pháp luật. Công ty đã chi trả tiền bồi thường hỗ trợ GPMB theo Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 11/11/2008 về việc phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ GPMB công trình khu du lịch sinh thái tại xã N với tổng giá trị đền bù là 1.363.884.500 đồng. Còn 03 hộ dân chưa nhận tiền đền bù là: hộ bà Nông Thị D, ông Hoàng Văn Q, ông Hoàng Thế K với lý do là yêu cầu Công ty phải trả thêm tiền đền bù đối với một số diện tích khác ngoài số diện tích đã được đo đạc và lên phương án đền bù, diện tích đất nêu trên chưa được Nhà nước công nhận thuộc quyền sử dụng hợp pháp của 03 hộ gia đình. Do hộ bà D, hộ ông Q và ông K không nhận tiền đền bù gây khó khăn, cản trở trong việc thực hiện dự án của Công ty, nên Công ty không thực hiện dự án trên các phần diện tích đất của bà D, ông Q, ông K nữa. Vì vậy, Công ty đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm vụ việc với bà D, ông Q và ông K để Công ty tiếp tục thực hiện dự án. Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định.

Ý kiến của Ủy Ban nhân dân huyện A: Có 03 hộ chưa nhận tiền đền bù là: hộ bà Nông Thị D, ông Hoàng Văn Q, ông Hoàng Thế K, lý do không nhận tiền là muốn đòi thêm đất hoang hóa, đất lâm nghiệp xung quanh đất ruộng và đất rẫy hiện trạng đang canh tác có trong bản đồ địa chính xã N; chủ đầu tư đã quyết định trả lại đất canh tác cho 03 hộ dân. Bà D khởi kiện Quyết định số 714/QĐ-UBND là không có căn cứ.

Ý kiến của Ủy Ban nhân dân xã N, huyện A: Theo bản đồ giải thửa của xã N thì gia đình bà D đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.685m²; còn hơn 13.000m² đất bà D chưa kê khai để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có trong bản đồ giải thửa của xã. Thời điểm thu hồi đất chỉ dựa trên hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà D, do không nhất trí với việc đền bù nên bà D đã khiếu nại, chủ đầu tư đã trả lại đất cho gia đình bà D và hiện nay UBND tỉnh Z đã điều chỉnh trả lại đất với diện tích mà gia đình bà D đã kê khai là 3.685m²; UBND xã N đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Z, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116, Điều 172, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 52 và khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành chi tiết một số điều Luật đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Z ban hành Quy định về trình tự thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và

chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Z.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị D về việc: Hủy một phần Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh Z về việc điều chỉnh ranh giới và vị trí, diện tích đất thu hồi để xây dựng công trình: Khu du lịch sinh thái tại Thác nước Pàn Lầu, Co Khẻ, Khau Dắm xóm G, xã N, huyện A và yêu cầu khôi phục lại quyền và lợi ích hợp pháp đối với 13.000m² đất chưa được điều chỉnh ra khỏi mặt bằng dự án vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/9/2018, bà Nông Thị D có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nông Thị D thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị: Hủy một phần Quyết định số 714/QĐ-UBND liên quan đến quyền lợi gia đình bà D và công nhận cho bà D diện tích 7.210m².

UBND tỉnh Z và UBND huyện A đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người khởi kiện, người bị kiện tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính về việc tham gia phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà D làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà D thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy một phần Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh Z liên quan đến phần diện tích đất của bà; Yêu cầu công nhận 7.210m² (theo biên bản phúc tra ngày 13/4/2016) là diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 28/6/2007 của UBND tỉnh Z thu hồi đất để xây dựng khu du lịch sinh thái tại xã N với tổng diện tích thu hồi 166.420m² giao cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển C. Công ty Hương Thơm đã tiến hành đền bù cho các hộ dân có đất bị thu hồi, song có 3 hộ dân không nhận tiền đền bù do chưa đồng ý về diện tích và giá đất, trong đó có hộ gia đình bà Nông Thị D.

Quyết định số 714/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục; nội dung điều chỉnh lại diện tích thu hồi ghi trong Quyết định số 1065/QĐ-UBND. Quyết định số 714/QĐ-UBND đã căn cứ Tờ trình số 553/TTr ngày 12/4/2017 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Z, trong đó có nội dung

chủ đầu tư nhất trí không thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất 3.685m² của hộ ông Trương Văn V (chồng bà D). Đối với diện tích đất này gia đình bà D đã công nhận đúng thực tế, hiện nay được điều chỉnh trả lại cho hộ gia đình bà D, không gây thiệt hại cho gia đình bà D nên việc bà D yêu cầu hủy một phần Quyết định số 714/QĐ-UBND là không có căn cứ.

Đối với phần diện tích đất 7.210m² (theo biên bản phúc tra ngày 13/4/2016) hiện đang nằm trong mặt bằng địa của giới dự án, bà D cho rằng thuộc quyền sử dụng của bà vì bà đã quản lý sử dụng trồng cây trên đất từ năm 1990 đến thời điểm có dự án không tranh chấp cần phải được xem xét bồi thường. Ngoài lời trình bày của bà D và xác nhận của một số nhân chứng, bà D không có tài liệu chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của mình. Bà D cũng không biết chính xác thực tế diện tích đất là bao nhiêu, không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; trong khi đó bà D đã đăng ký kê khai diện tích đất 3.685m². Tại phiên tòa phúc thẩm bà D cũng không xuất trình được tài liệu mới nào khác để chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của mình. Thực chất bà D kháng cáo yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên. Trong trường hợp bà D có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì căn cứ khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013 thẩm quyền thuộc UBND huyện A, tỉnh Z. Bà D không yêu cầu UBND huyện A xem xét mà yêu cầu UBND tỉnh Z điều chỉnh trong Quyết định số 714/QĐ-UBND là không đúng thẩm quyền. Do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bà D. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, nghe ý kiến trình bày, tranh luận của các bên đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tổ tụng:

Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh Z là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; ngày 03/11/2017, bà Nông Thị D khởi kiện đối với Quyết định số 714/QĐ-UBND; Tòa án nhân dân tỉnh Z đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh Z.

[2.1.1]. Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Văn bản số 3734/QBND-BTCD ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Z về việc thực hiện thủ tục điều chỉnh Quyết định thu hồi đất dự án khu du lịch sinh thái tại xã N, huyện A. Theo Biên bản kiểm

tra thực địa ngày 23/3/2017, Chủ đầu tư Công ty cổ phần đầu tư phát triển C nhất trí không thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất 3.685m² của hộ bà Nông Thị D (chồng là ông Trương Xuân F), yêu cầu thực hiện điều chỉnh ranh giới, giảm diện tích thu hồi đất dự án khu du lịch sinh thái tại xã N, huyện A.

[2.1.2]. Ngày 12/4/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh Z về việc xem xét và phê duyệt quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích thu hồi đất xây dựng công trình khu du lịch sinh thái tại xã N, huyện A (giảm 6.969m² đất) theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 28/6/2007 về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Khu du lịch sinh thái xã N, huyện A, tỉnh Z. Ngày 23/5/2017, UBND tỉnh Z ban hành Quyết định số 714/QĐ-UBND điều chỉnh ranh giới và vị trí, diện tích đất thu hồi để xây dựng công trình khu du lịch sinh thái tại xã N, huyện A diện tích điều chỉnh 6.969m² đất là đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định Điều 52 Luật đất đai năm 2013.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Quyết định số 714/QĐ-UBND ban hành nhằm điều chỉnh ranh giới và vị trí, diện tích đất thu hồi để xây dựng công trình khu du lịch sinh thái tại Thác nước Pàn Lầu, Co Khẻ, Khau Dắm xóm G, xã N, huyện A. Theo đó, gia đình bà D được điều chỉnh 3.685m² ra khỏi mặt bằng địa giới của dự án căn cứ theo Tờ trình số 553/TTr-STNMT ngày 12/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Z về việc điều chỉnh ranh giới, diện tích thu hồi đất xây dựng công trình khu du lịch sinh thái tại xã N, huyện A. Tuy nhiên, bà Nông Thị D không đồng ý với Quyết định số 714/QĐ-UBND với lý do Quyết định số 714/QĐ-UBND không điều chỉnh hết diện tích đất của gia đình bà D ra khỏi phần đất của dự án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà D yêu cầu được khôi phục lại quyền và lợi ích hợp pháp đối với phần đất diện tích 13.000m²; tại phiên tòa phúc thẩm bà D chỉ yêu cầu khôi phục lại quyền và lợi ích hợp pháp đối với diện tích 7.210m² đất.

[2.2.2]. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy đối với phần diện tích 7.210m² đất mà bà D yêu cầu giải quyết bà D cho rằng thuộc quyền sử dụng của gia đình bà D vì gia đình bà đã quản lý sử dụng trồng cây trên đất từ năm 1990 đến thời điểm có dự án nên phải được xem xét bồi thường; bà D không có tài liệu chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của mình, cũng không cung cấp được tài liệu để chứng minh gia đình bà D được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng hợp pháp. Bà D cũng không biết chính xác thực tế diện tích đất là bao nhiêu, không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; trong khi đó bà D đã đăng ký kê khai diện tích đất 3.685m². Thực chất bà D kháng cáo yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên; trong trường hợp bà D có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

thì căn cứ khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013 thẩm quyền thuộc UBND huyện A, tỉnh Z. Bà D không yêu cầu UBND huyện A xem xét mà yêu cầu UBND tỉnh Z điều chỉnh trong Quyết định số 714/QĐ-UBND là không đúng thẩm quyền. Do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bà D.

[2.2.3]. Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 714/QĐ-UBND: Quyết định số 714/QĐ-UBND chỉ điều chỉnh lại diện tích thu hồi đất ghi trong Quyết định số 1065/QĐ-UBND, với lý do gia đình bà D không nhận tiền bồi thường và do chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư phát triển C không có nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình bà D diện tích 3.685m² căn cứ theo Tờ trình số 553/TTr-STNMT ngày 12/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Z về việc điều chỉnh ranh giới, diện tích thu hồi đất xây dựng công trình khu du lịch sinh thái tại xã N, huyện A là đúng theo quy định tại Điều 52 Luật đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D hủy một phần Quyết định số 714/QĐ-UBND là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của bà Nông Thị D không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bác yêu cầu kháng cáo của bà Nông Thị D, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Z, quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị D về việc: Hủy một phần Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Z về việc điều chỉnh ranh giới và vị trí, diện tích đất thu hồi để xây dựng công trình: Khu du lịch sinh thái tại Thác nước Pàn Lầu, Co Khẽ, Khau Dắm xóm G, xã N, huyện A và yêu cầu khôi phục lại quyền và lợi ích hợp pháp đối với 7.210m² đất chưa được điều chỉnh ra khỏi mặt bằng dự án vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Bà Nông Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/00873 ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Z.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THADS tỉnh Z;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương Lương Đức Chính

Lê Thị Thúy Bình